

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TƯ PHÁP



**MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
TẠO VIỆC LÀM**

*(Theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP
ngày 25 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số
điều của Luật Việc làm về chính sách
hỗ trợ tạo việc làm)*

NĂM 2026

Giấy phép xuất bản số: 145/GP-SVHTTDL ngày 21 tháng 4 năm 2026, khổ giấy 20,5cm x 29,5cm. Đăng tải trên Trang thông tin điện tử Phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Thái Nguyên. Xuất bản phẩm không bán.

Ngày 25/12/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quy định mức chi hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên từ ngày 01/01/2026 như sau:

Điều 25. Nội dung và mức chi hỗ trợ đào tạo nghề

1. Người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên thuộc đối tượng hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật số 74/2025/QH15 được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, bao gồm:

a) Hỗ trợ đào tạo theo mức thu học phí thực tế của cơ sở đào tạo.

Đối với người lao động ở khu vực nông thôn, mức hỗ trợ đào tạo tối đa 4 triệu đồng/người/khóa học.

Đối với người lao động là thanh niên, mức hỗ trợ không vượt quá 12 tháng mức lương cơ sở, bao gồm tổng các khoản chi hỗ trợ quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này. Trường hợp vượt quá, ưu tiên thanh toán hỗ trợ theo thứ tự các khoản chi

tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này.

Trường hợp bãi bỏ mức lương cơ sở thì thực hiện theo mức tham chiếu theo quy định của Chính phủ.

b) Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo là 50.000 đồng/người/ngày;

c) Hỗ trợ tiền đi lại cho người lao động từ nơi ở hiện tại đến địa điểm đào tạo theo định mức như sau:

200.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên;

300.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn cách địa điểm đào tạo từ 5 km trở lên.

2. Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cao hơn mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên thuộc đối tượng hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật số 74/2025/QH15 chỉ được hỗ trợ đào tạo nghề một lần theo chính sách quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Người lao động đã được hỗ trợ đào tạo nghề theo các chính sách hiện hành khác của Nhà nước thì không được tiếp tục hỗ trợ đào tạo theo chính sách quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp người lao động là thanh niên thuộc đối tượng hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật số 74/2025/QH15.

Trường hợp người lao động ở khu vực nông thôn đã được hỗ trợ đào tạo nghề nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm theo chính sách quy định tại khoản 1 Điều này, nhưng tối đa không quá 03 lần.

Điều 26. Điều kiện hỗ trợ đào tạo nghề

1. Người lao động ở khu vực nông thôn được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng khi có nhu cầu.

2. Người lao động là thanh niên thuộc đối tượng hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật số 74/2025/QH15 được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có nhu cầu đào tạo trong thời hạn 60 tháng, kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ quân sự hoặc nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân hoặc hoàn thành nhiệm vụ thực

hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội hoặc hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng;

b) Chưa được hỗ trợ đào tạo nghề từ nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ quân sự hoặc nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân hoặc hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội hoặc hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng.



Hình ảnh minh họa: Nguồn internet

Điều 27. Hồ sơ hỗ trợ đào tạo nghề

1. Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

2. Giấy tờ chứng minh người lao động là thanh niên thuộc đối tượng hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật số 74/2025/QH15 là bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc

bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của một trong các giấy tờ sau đây:

a) Quyết định xuất ngũ đối với thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự hoặc nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

b) Quyết định hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình đối với dân quân thường trực;

c) Giấy chứng nhận tham gia hoạt động tình nguyện đối với thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội;

d) Giấy chứng nhận trí thức trẻ tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng.

3. Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng nhận hoàn thành khóa học, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định này.

4. Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định này./.